

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 – 11 – 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trung Thảo;
2. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Kiêm C, sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú: ấp T (nay là ấp T), xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Phạm Văn Đ, sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị C, anh Đ có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Kiêm C trình bày: chị và anh Đ tiến hành hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T số: 30 ngày 14/6/2016. Trong quá trình chung sống có con chung là cháu Phạm Nhật T, sinh ngày 18/5/2017. Do bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm, nên đã ly thân từ ngày 19/6/2018 về sống với ngoại (69

tuổi) ở xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- + Về tình cảm: chị C yêu cầu được ly hôn với anh Đ.
- + Về con chung: chị C yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.
- + Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bị đơn Phạm Văn Đ thống nhất về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung theo lời khai của nguyên đơn. Về mâu thuẫn của vợ chồng, anh chỉ thừa nhận trong lúc tức giận có xông vào định đánh vợ nhưng chưa đánh. Sau đó vợ anh bỏ nhà đi về sống với bà ngoại, anh có điện thoại năn nỉ nhưng chị C không bắt máy. Còn đối với yêu cầu của chị C anh có ý kiến như sau:

- + Về tình cảm: anh không đồng ý ly hôn với chị C, vì còn thương vợ, anh cho rằng tình cảm có thể hàn gắn được.
- + Về con chung: nếu chị C kiên quyết ly hôn, anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, vì đang sống với anh, không yêu cầu chị C cấp dưỡng.
- + Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C và anh Đ được ly hôn; về con chung: giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Tam Nông là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên – bị đơn thống nhất về tình trạng hôn nhân là chung sống có đăng ký kết hôn và có 01 con chung là cháu Phạm Nhật T, không có tài sản chung, nợ chung. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Tại phiên tòa, chị C cho rằng nguyên nhân chị kiên quyết ly hôn với anh Đ là do mâu thuẫn về tiền bạc dẫn đến cự cãi, khi có rượu anh Đ dùng dao đe dọa tính mạng của chị 02 lần, vì sợ nên chị đã ly thân và khởi kiện xin ly hôn. Anh Đ thừa nhận hành vi mà chị C đã nêu là có thật nhưng do tức giận

nhất thời, sau đó có năn nỉ chị C. Tại phiên tòa anh Đ không đồng ý ly hôn, vì cho là có thể hàn gắn tình cảm này nhưng từ tháng 6/2018 khi chị C bỏ đi đến nay anh không có động thái nào tỏ ra hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị C vì thể diện. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên đoàn tụ nhiều lần nhưng chị C vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nghị cần căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị C và anh Đ ly hôn.

- Về nuôi con chung: chị C và anh Đ đều có yêu cầu nuôi cháu T. Về nguyên tắc thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng xét thấy, trong lúc bỏ về nhà của bà ngoại sống thì chị C không đem theo cháu T tuy lúc này cháu tuổi còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Từ ngày bỏ đi (ngày 19/6/2018) đến nay, chị C chỉ đến thăm nom con 01 lần duy nhất, chị cũng không có ý kiến phản đối gì về việc nuôi con của anh Đ. Tại phiên tòa, chị cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh là cháu T không được chăm sóc, giáo dục đáng hoàng. Mặt khác, nhà cha mẹ chị ở tỉnh Long An không ai ở do đi làm ở tỉnh Đồng Nai, chị C phải sống với bà Ngoại đã cao tuổi ở xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp với mức thu nhập 2 – 3 triệu đồng/tháng từ việc nhận quần áo cắt sẵn về may gia công. Theo xác nhận của Trưởng ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp thì trường hợp ngoại của chị C thuộc diện hộ cận nghèo, thu nhập từ việc may đồ gia công của chị C không ổn định, chưa đảm bảo điều kiện nuôi con. Như vậy, với những vấn đề trên, chứng tỏ chị C không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó nghị nên không chấp nhận yêu cầu này của chị C mà tiếp tục giao cháu T cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt về sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục, cũng như ổn định môi trường sống để cháu T được phát triển toàn diện.

Nếu sau này, anh Đ không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cũng như các điều kiện khác được quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị C được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng: anh Đ cho rằng anh đủ điều kiện khả năng kinh tế nuôi con và tại phiên tòa, chị C và anh Đ đều không có yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị C và anh Đ đều cho là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, thì chị C là nguyên đơn khởi kiện thì phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000đồng. Anh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kiêm C và anh Phạm Văn Đ được ly hôn.

- Về nuôi con chung: anh Phạm Văn Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Nhật T, sinh ngày 18/5/2017 (hiện cháu T đang sống với anh Đ). Chị Nguyễn Thị Kiêm C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Kiêm C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BG/2015/0003597, quyền số: 0000072 ngày 02/7/2018; Chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trí Viễn